TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM
HĐTS SAU ĐẠI HỌC NĂM 2022 - ĐỢT 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN
KỲ THI TUYỂN SINH CAO HỌC LUẬT KHOÁ 36 - ĐỢT 2 NĂM 2022

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký	Định hướng đăng ký	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh	Khoa	Nam	08/11/2000	LHP & LHC	Nghiên cứu	70	
2	Huỳnh	Như	Nữ	28/01/2000	LHP & LHC	Nghiên cứu	90	
3	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	02/09/2000	LHP & LHC	Nghiên cứu	70	
4	Huỳnh Văn Tấn	Sang	Nam	19/07/1997	LHP & LHC	Nghiên cứu	70	
5	Mai Thạch	Dương	Nam	13/01/1989	LHP & LHC	Ứng dụng	68	
6	Nguyễn Kiếm	Khách	Nam	16/03/1973	LHP & LHC	Ứng dụng	75	
7	Lê Thị Thanh	Trúc	Nữ	15/08/1995	LHP & LHC	Ứng dụng	65	
8	Hà Thị Kim	Anh	Nữ	27/07/1997	LDS & TTDS	Nghiên cứu	68	
9	Phạm Xuân	Chiến	Nam	16/10/1992	LDS & TTDS	Nghiên cứu	70	
10	Đỗ Phan Hương	Giang	Nữ	03/07/2000	LDS & TTDS	Nghiên cứu	70	
11	Phạm Thị	Huyền	Nữ	03/02/1998	LDS & TTDS	Nghiên cứu	65	
12	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	05/10/1982	LDS & TTDS	Nghiên cứu	72	
13	Lê Trúc Đan	Thi	Nữ	03/10/2000	LDS & TTDS	Nghiên cứu	67	
14	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	28/08/2000	LDS & TTDS	Nghiên cứu	75	
15	Lê Văn	Tốp	Nam	02/01/2000	LDS & TTDS	Nghiên cứu	75	
16	Trần Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	22/10/2000	LDS & TTDS	Nghiên cứu	67	
17	Nguyễn Xuân	Bách	Nam	14/04/1978	LDS & TTDS	Ứng dụng	70	
18	Trần Văn	Bền	Nam	20/11/1980	LDS & TTDS	Ứng dụng	70	
19	Lương Đình	Điệp	Nam	02/03/1980	LDS & TTDS	Ứng dụng	68	
20	Võ Quốc	Đỉnh	Nam	01/08/1978	LDS & TTDS	Ứng dụng	69	
21	Vũ Minh	Hùng	Nam	18/10/1979	LDS & TTDS	Ứng dụng	72	
22	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	05/08/1998	LDS & TTDS	Ứng dụng	69	
23	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	03/01/1983	LDS & TTDS	Ứng dụng	70	
24	Hồ Vi Đoan	Trinh	Nữ	28/11/1987	LDS & TTDS	Ứng dụng	68	
25	Võ Thị	Ánh	Nữ	24/07/1998	LHS & TTHS	Nghiên cứu	69	
26	Lê Bá	Đức	Nam	26/09/2000	LHS & TTHS	Nghiên cứu	87	
27	Phạm Thúy	Hằng	Nữ	20/06/2000	LHS & TTHS	Nghiên cứu	78	
28	Phạm Gia	Phú	Nam	24/02/1999	LHS & TTHS	Nghiên cứu	68	
29	Trần Minh	Sơn	Nam	09/08/1997	LHS & TTHS	Nghiên cứu	79	
30	Trương Gia	Thi	Nam	30/01/2000	LHS & TTHS	Nghiên cứu	79	

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký	Định hướng đăng ký	Điểm xét tuyển	Ghi chú
31	Võ Tuấn	Anh	Nam	07/05/1990	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
32	Trần Thị Kim	Cương	Nữ	15/04/1989	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
33	Thái Công	Danh	Nam	30/12/1997	LHS & TTHS	Ứng dụng	63	
34	Phạm Thị Thanh	Giang	Nữ	24/05/1971	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
35	Hồ Thuận	Hải	Nam	17/01/1979	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
36	Trần Ngọc	Hải	Nam	02/12/1986	LHS & TTHS	Ứng dụng	74	
37	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	24/07/1991	LHS & TTHS	Ứng dụng	70	
38	Dương Thị Bích	Hằng	Nữ	20/02/1977	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
39	Dương Thúy	Hằng	Nữ	19/09/1979	LHS & TTHS	Ứng dụng	74	
40	Lê Mạnh	Hùng	Nam	27/08/1984	LHS & TTHS	Ứng dụng	68	
41	Lê Thị Mỹ	Hương	Nữ	12/07/1998	LHS & TTHS	Ứng dụng	67	
42	Đặng Minh	Huy	Nam	14/04/1998	LHS & TTHS	Ứng dụng	70	
43	Nguyễn Công	Khanh	Nam	08/08/1992	LHS & TTHS	Ứng dụng	67	
44	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	17/06/1994	LHS & TTHS	Ứng dụng	71	
45	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	13/01/1988	LHS & TTHS	Ứng dụng	80	
46	Lương Thị Nhật	Minh	Nữ	15/04/1989	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
47	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	20/10/1991	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
48	Lê Hoàng	Nam	Nam	23/11/1990	LHS & TTHS	Ứng dụng	70	
49	Nguyễn Chí	Nguyện	Nam	01/01/1990	LHS & TTHS	Ứng dụng	80	
50	Phạm Thị Kim	Nương	Nữ	12/06/1985	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
51	Lê Thị	Oanh	Nữ	20/10/1991	LHS & TTHS	Ứng dụng	69	
52	Phạm Vũ	Phương	Nam	13/01/1992	LHS & TTHS	Ứng dụng	63	
53	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	Nữ	13/04/1979	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
54	Huỳnh Văn	Sửu	Nam	30/11/1985	LHS & TTHS	Ứng dụng	79	
55	Nguyễn Văn	Thận	Nam	02/06/1980	LHS & TTHS	Ứng dụng	73	
56	Ngọc Bích	Thảo	Nữ	27/07/1997	LHS & TTHS	Ứng dụng	70	
57	Nguyễn Ngọc Thư	Thảo	Nữ	27/08/1997	LHS & TTHS	Ứng dụng	66	
58	Trương Bình	Thiện	Nam	16/04/1978	LHS & TTHS	Ứng dụng	74	
59	Mai Thị Kim	Thu	Nữ	10/08/1986	LHS & TTHS	Ứng dụng	80	
60	Trịnh Lợi	Thuận	Nam	24/12/1999	LHS & TTHS	Ứng dụng	62	
61	Đoàn Thị Thủy	Tiên	Nữ	17/08/1985	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	
62	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	18/09/1980	LHS & TTHS	Ứng dụng	78	
63	Lâm Phượng	Tú	Nữ	29/08/1992	LHS & TTHS	Ứng dụng	74	
64	Hà Thị Cẩm	Vân	Nữ	07/06/1993	LHS & TTHS	Ứng dụng	75	

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành đăng ký	Định hướng đăng ký	Điểm xét tuyển	Ghi chú
65	Thái Thị Thúy	Vân	Nữ	06/08/1988	LHS & TTHS	Ứng dụng	73	
66	Võ Thị Phương	Yến	Nữ	31/12/1988	LHS & TTHS	Ứng dụng	70	
67	Lý Mạnh	Luông	Nam	01/10/1995	Luật kinh tế	Nghiên cứu	60	
68	Đỗ Thị Thư	Nhàn	Nữ	25/11/1990	Luật kinh tế	Nghiên cứu	73	
69	Trương Thanh	Phong	Nam	03/04/1997	Luật kinh tế	Nghiên cứu	68	
70	Nguyễn Thái	Sơn	Nam	11/04/1987	Luật kinh tế	Nghiên cứu	86	
71	Phan Ngọc Huyền	Trân	Nữ	22/08/1996	Luật kinh tế	Nghiên cứu	65	
72	Lê Hoàng Phương	Trang	Nữ	13/08/2000	Luật kinh tế	Nghiên cứu	80	
73	Tô Vân	Châu	Nữ	26/11/1985	Luật kinh tế	Ứng dụng	70	
74	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	02/07/1979	Luật kinh tế	Ứng dụng	60	
75	Lại Thị Bình	Minh	Nữ	27/08/1975	Luật kinh tế	Ứng dụng	70	
76	Nguyễn Trần	Phương	Nữ	28/10/1996	Luật kinh tế	Ứng dụng	62	
77	Ngô Khắc	Thiện	Nam	10/03/1985	Luật kinh tế	Ứng dụng	70	
78	Đỗ Hoàng	Anh	Nữ	29/12/1998	Luật quốc tế	Nghiên cứu	72	
79	Trần Nguyễn Sơn	Giang	Nữ	03/11/2000	Luật quốc tế	Nghiên cứu	80	
80	Nguyễn Hải	Hà	Nữ	16/01/2000	Luật quốc tế	Nghiên cứu	73	
81	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	Nữ	19/06/2000	Luật quốc tế	Nghiên cứu	80	
82	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	22/06/1999	Luật quốc tế	Nghiên cứu	70	
83	Nguyễn Phạm Mỹ	Ngọc	Nữ	21/06/2000	Luật quốc tế	Nghiên cứu	70	
84	Nguyễn Phan Thanh	Vy	Nữ	28/08/2000	Luật quốc tế	Nghiên cứu	70	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Pgs. Ts. Trần Hoàng Hải